TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 54/2020/QĐST–HNGĐ	*Châu Thành, ngày 09 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Thanh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Thanh Đ thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 17/01/2014 đến khi con tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Bé H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Bé H, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng, chị Nguyễn Thị Bé H thống nhất chịu toàn bộ, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003934 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị Bé H được nhận lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKS H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Tiến Dũng